

Số: /KH-KKTKCN

Khánh Hòa, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 – 2030 và hằng năm của Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 – 2030. Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa (Ban Quản lý) xây dựng Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 – 2030 và hằng năm, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Chuyển đổi số là phương thức phát triển mới, là động lực trọng yếu thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng.

- Phát triển chuyển đổi số phải lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của chuyển đổi số; mọi hoạt động chuyển đổi số phải hướng tới nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước.

- Ưu tiên sử dụng nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung; triển khai tập trung, thống nhất, liên thông từ tỉnh đến xã; bảo đảm kế thừa, kết nối đồng bộ và tránh đầu tư trùng lặp.

- Phát triển theo hướng quản trị thông minh, dữ liệu hóa và chuyển mạnh từ phương thức “xử lý hành chính” sang “quản trị chủ động, dự báo và phục vụ”.

- Phát triển chuyển đổi số phải gắn với bảo đảm chủ quyền số, an toàn thông tin, an ninh mạng; bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ Chiến lược dữ liệu của Ban Quản lý giai đoạn 2026 – 2030, hằng năm làm cơ sở để hình thành hệ thống dữ liệu dùng chung, phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với khu kinh tế, khu công nghiệp (viết tắt là KKT, KCN) trên địa bàn tỉnh.

- Từng bước chuyển từ phương thức quản lý hành chính truyền thống sang quản trị dựa trên dữ liệu; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát, dự báo, cảnh báo, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Xây dựng nền tảng dữ liệu thống nhất, liên thông giữa các phòng, đơn vị trực thuộc Ban Quản lý với các sở, ban, ngành, địa phương và hệ thống dữ liệu của tỉnh.

- Hình thành cơ sở dữ liệu (viết tắt là CSDL) chuyên ngành về đầu tư, quy hoạch, xây dựng, môi trường, doanh nghiệp, hạ tầng KCN, giải quyết TTHC và công tác nội bộ của Ban Quản lý.

II. MỤC TIÊU THỰC HIỆN

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ, thực chất và bền vững trên các ngành, lĩnh vực quản lý; phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên nền tảng dữ liệu số, hạ tầng số và trí tuệ nhân tạo; đổi mới căn bản tư duy và phương thức quản lý.

- Phấn đấu đến năm 2030:

+ 100% hoạt động quản lý nhà nước được thực hiện trên môi trường số.

+ 100% hồ sơ TTHC đủ điều kiện được thực hiện trên nền tảng số và dữ liệu số.

+ Hình thành Hệ thống quản trị, điều hành trên nền tảng số, dữ liệu số và sử dụng trí tuệ nhân tạo; đưa vào sử dụng CSDL thống nhất, liên thông giữa các phòng, đơn vị.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị công và chất lượng cung cấp dịch vụ công.

- Hoàn thành việc số hóa 100% CSDL ngành, triển khai xuyên suốt, nhằm tạo lập CSDL phục vụ CCHC và nâng cao năng suất lao động cho CCVC.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC phát sinh mới thuộc thẩm quyền Ban Quản lý được thực hiện hoàn toàn trực tuyến, toàn trình, số hóa, cập nhật vào hệ thống dữ liệu dùng chung (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số” thông qua các nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) hoặc các nền tảng khác.

- 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo quy định.

- 100% CCVC được phổ cập kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhóm các nhiệm vụ trọng tâm

a) Hoàn thiện thể chế, quy chế quản trị dữ liệu

- Ban hành Quy chế quản trị, quản lý, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu của Ban Quản lý.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định chuyên ngành liên quan đến dữ liệu bảo đảm phù hợp với các quy định của Trung ương và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Áp dụng khung kiến trúc dữ liệu tỉnh, Khung quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh và Từ điển dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Tổ chức triển khai đầy đủ, đồng bộ các luật: Luật Chuyển đổi số; Luật Dữ liệu; Luật Giao dịch điện tử; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; Luật An ninh mạng; và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Phát triển hạ tầng

- Tổ chức kết nối và tích hợp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Ban Quản lý với nền tảng tích hợp, chia sẻ và điều phối dữ liệu của tỉnh, bảo đảm tương thích, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh và nền tảng quốc gia theo quy định.

- Tổ chức lưu trữ, sao lưu, dự phòng và phục hồi dữ liệu; phối hợp với các cơ quan liên quan có thẩm quyền trong kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu theo lộ trình của tỉnh.

- Phối hợp khai thác, sử dụng dữ liệu từ các nền tảng số của tỉnh như: dữ liệu không gian địa lý, bản đồ số, dữ liệu tài nguyên, IoT...

c) Phát triển nền tảng số và dữ liệu số

- Rà soát, tổng hợp các CSDL thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý (bao gồm dữ liệu đã có, đang xây dựng và dự kiến xây dựng); xác định rõ dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu danh mục, dữ liệu giao dịch, dữ liệu tổng hợp, dữ liệu phân tích, dữ liệu mở; làm cơ sở phục vụ quản trị và khai thác hiệu quả.

- Xây dựng, ban hành danh mục dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý, bao gồm danh mục CSDL dùng chung; danh mục dữ liệu mở; danh mục dữ liệu bắt buộc chia sẻ; danh mục dữ liệu hạn chế chia sẻ theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tích hợp vào danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Tổ chức chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật và duy trì chất lượng dữ liệu theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; ưu tiên các dữ liệu: phục vụ thủ tục hành chính, chỉ đạo điều hành, cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện công bố và cung cấp dữ liệu mở thuộc lĩnh vực quản lý của Ban Quản lý theo lộ trình của tỉnh, bảo đảm: tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu; phù hợp nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

d) Phát triển chính quyền số

- Triển khai hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số Chuyển đổi số (DTI).

- Hoàn thiện và triển khai chuyển đổi số trong công tác quản lý và điều hành khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

đ) Phát triển kinh tế số

- Phối hợp các sở, ban, ngành có thẩm quyền rà soát, đề xuất quy hoạch và chuẩn bị các thủ tục để hình thành các khu công nghiệp công nghệ số tập trung.

e) Phát triển xã hội số

- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số” qua nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) nhằm phổ cập kỹ năng số, kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo cơ bản cho toàn thể CCVC tại đơn vị.

- Tổ chức thực hiện đạt 100% văn bản đi, đến được tham mưu xử lý trên phần mềm quản lý văn bản điều hành E-OFFICE, được ký số đầy đủ và trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử.

g) Phát triển nguồn nhân lực số

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, quản trị số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin và đổi mới sáng tạo cho toàn thể lãnh đạo, CCVC tại đơn vị nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện chuyển đổi số.

- Tổ chức sử dụng có hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin, dữ liệu số dùng chung của tỉnh; chữ ký số và các công cụ hỗ trợ ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý công việc.

- Củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, dữ liệu, an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo tại đơn vị.

- Từng bước chuẩn hóa năng lực đội ngũ chuyên trách theo các tiêu chuẩn, tiêu chí chuyên môn phù hợp.

h) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

- Thực hiện rà soát, đề xuất và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ theo quy định nhằm bảo vệ an toàn hệ cho thống thông tin.

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân; trang bị, triển khai phần mềm phòng, chống mã độc; định kỳ triển khai sao lưu dữ liệu.

- Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh trong công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và xử lý sự cố liên quan đến dữ liệu quản lý, điều hành KKT, KCN.

2. Nhóm các giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Gắn trách nhiệm với tiêu chí đánh giá; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động chuyển đổi số; quan tâm đưa kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện nhiệm vụ, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số; chuyển đổi phương thức quản lý, điều hành sang quản trị dựa trên dữ liệu số; ưu tiên sử dụng dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo, Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC), góp phần giảm thiểu các báo cáo giấy truyền thống.

b) Giải pháp về tài chính và huy động nguồn lực

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư: Tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp từ xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ, tổ chức tham gia đầu tư vào hạ tầng số thông qua mô hình hợp tác công - tư (PPP) và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

- Ưu tiên phương thức thuê dịch vụ (Cloud): Tăng cường phương thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin do các doanh nghiệp công nghệ số cung cấp trên nền tảng điện toán đám mây để tối ưu hóa thời gian và chi phí, bảo đảm công nghệ luôn được cập nhật.

c) Giải pháp về phát triển nhân lực và tuyên truyền

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số chuyên sâu, hướng dẫn sử dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu cho đội ngũ CCVC; ưu tiên các hình thức đào tạo thực hành trên hệ thống phần mềm.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật về chuyển đổi số thông qua nhiều hình thức, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn; xây dựng các chuyên mục, chuyên trang tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, lan tỏa các mô hình chuyển đổi số thành công trong phạm vi quản lý.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2026 – 2027

- Ban hành đầy đủ các quy chế, quy định, danh mục dữ liệu.
- Rà soát, số hóa, chuẩn hóa dữ liệu hiện có.
- Xây dựng, đưa vào thử nghiệm CSDL dùng chung; Hệ thống quản lý, điều hành KKT, KCN.
- Hoàn thiện và đưa vào sử dụng có hiệu quả các CSDL: CSDL GIS (Hệ thống thông tin địa lý), CSDL IIS (Hệ thống thông tin đầu tư).

2. Giai đoạn 2028 – 2029

- Hoàn thiện, mở rộng, tích hợp toàn bộ dữ liệu chuyên ngành.
- Kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu.
- Ứng dụng sâu công nghệ phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành.

3. Năm 2030

- Hoàn thiện hệ sinh thái dữ liệu quản lý, điều hành KKT, KCN.
- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.
- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu thực tiễn giai đoạn tiếp theo.

V. NHIỆM VỤ HÀNG NĂM

Hàng năm, căn cứ Kế hoạch này, các phòng, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, trong đó tập trung:

- Rà soát, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.
- Đăng ký nhiệm vụ, nhu cầu đầu tư, nâng cấp và số hóa dữ liệu.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực dữ liệu cho công chức, viên chức và người lao động.
- Đánh giá kết quả thực hiện theo bộ chỉ tiêu, chỉ số KPI; đề xuất giải pháp, nhiệm vụ năm tiếp theo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng:

- Là đầu mối tham mưu triển khai Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện.
- Hằng năm chủ động rà soát, cụ thể hóa và tham mưu ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế.
- Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai đúng tiến độ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án được phân công cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

2. Các phòng, đơn vị:

- Tổ chức xây dựng, cập nhật và khai thác dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý.
- Thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất gửi về Văn phòng tổng hợp báo cáo theo quy định.
- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, bất cập, các phòng, đơn vị trực thuộc đề xuất Văn phòng tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Ban kịp thời xử lý.

Trên đây là Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Ban Quản lý giai đoạn 2026 – 2030 và hằng năm, đề nghị các phòng, đơn vị trực thuộc nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c - VBĐT);
- LĐ Ban (b/c - VBĐT);
- Các phòng, BQLDAHT (VBĐT);
- Lưu: VT, VP, LPTH.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phan Châu Vinh

Phụ lục**DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ HÀNG NĂM CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-KKTKCN ngày /5/2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp)

STT	Nhiệm vụ	Căn cứ pháp lý	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
1	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch triển khai Chiến lược của Ban Quản lý	Theo Quyết định 2629/QĐ-TTg; Quyết định 1609/QĐ-UBND	Văn phòng	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch	2026
2	Xây dựng CSDL GIS (hệ thống thông tin địa lý)	Quyết định 508/QĐ-UBND tỉnh; Quyết định 1609/QĐ-UBND tỉnh	Phòng QHXDMT	Các đơn vị liên quan	CSDL	2026
3	Cơ sở dữ liệu IIS (Hệ thống thông tin đầu tư)	Quyết định 508/QĐ-UBND tỉnh; Quyết định 1609/QĐ-UBND tỉnh	Phòng KHĐT&XT	Các đơn vị liên quan	CSDL	2026
4	Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các thủ tục để hình thành Khu công nghiệp công nghệ số tập trung và Công viên đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa	Nghị quyết 57-NQ/TW; Quyết định 1609/QĐ-UBND tỉnh	Phòng KHĐT&XT, phòng QHXDMT	Các đơn vị liên quan	Đề án	2026
5	Đạt 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử; sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để	Kế hoạch số 2364/KH-UBND; Quyết định 1609/QĐ-UBND tỉnh	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Văn phòng	Hồ sơ/văn bản	2026

STT	Nhiệm vụ	Căn cứ pháp lý	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành
	giải quyết công việc					
6	Xây dựng và triển khai chuyển đổi số trong công tác quản lý và điều hành KKT, KCN của tỉnh	Quyết định 1689/QĐ-UBND; Thông báo 443/TB-UBND; Kế hoạch số 2364/KH-UBND; Quyết định 1609/QĐ-UBND tỉnh	Văn phòng	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Phần mềm	2026 - 2030
7	Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập kỹ năng số thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs)	Nghị quyết 57-NQ/TW; Quyết định 1609/QĐ-UBND tỉnh	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Văn phòng	Khóa học trên ứng dụng	2026 - 2030
8	Tổ chức định kỳ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin; định kỳ tham gia các khóa tập huấn diễn tập thực chiến ứng phó sự cố an ninh mạng trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết 57-NQ/TW; Quyết định 1609/QĐ-UBND tỉnh	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Công an tỉnh	Khóa diễn tập/hội nghị	Hàng năm